

CÓ MỘT NHÀ KHOA BẢNG NGHỆ AN GIAO LƯU VỚI SỨ THẦN TRIỀU TIÊN

■ Phan Xuân Thành

Trong bốn nghìn năm văn hiến, có nhiều nhà khoa bảng, tiến sỹ, quan chức cao cấp được cử đi sứ sang Trung Quốc. Trong đó phải kể đến ông Hồ Sỹ Đống người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu. Không những đi sứ giao lưu với học giả Bắc Kinh mà ông còn trao đổi với sứ thần Triều Tiên, làm rạng danh cho non sông đất nước.

Hồ Sỹ Đống sinh ngày 05/7/1739 trong một gia đình có nề nếp gia phong. Năm 24 tuổi ông đậu Hương Công, “34 tuổi đậu Hội nguyên và Đình nguyên (song nguyên), đệ nhị giáp Tiến sỹ (Hoàng Giáp), khoa Nhâm Thìn đời Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 (1772). Ông làm quan bộ hộ tả thị lang, quyền phủ sự, đô ngự sử kiêm bình bộ thượng thư, tước ban quận công”⁽¹⁾.

Năm 1778, Hồ Sỹ Đống được cử làm phó sứ sang nhà Thanh. Bấy giờ Trịnh Sâm chuyên quyền làm nhiều việc trái phép. Vốn là người cẩn trọng, ngay thẳng, Hồ Sỹ Đống rất bất bình. Trước ngày đoàn sứ bộ lên đường, Trịnh Sâm viết một tờ mật biểu giao cho chánh sứ là Võ Trần Thiệu lén tâu lên vua nhà Thanh xin cho mình được làm An Nam quốc vương. Biết được tính Hồ Sỹ Đống, Trịnh Sâm giấu không cho ông biết.

Nào ngờ dọc đường Võ Trần Thiệu bị ốm nặng, sứ bộ dừng lại bên hồ Động Đình. Khi sắp qua đò, Thiệu gọi ông lại trao cho tờ mật chiếu và khuyên ông nên hết lòng vì Chúa sẽ

được biệt đãi. Ông giận bảo: Tôi tưởng chúa đã thừa quyền vị rồi, nào ngờ nay chúa vẫn cầu cạnh người Thanh, mong dựa vào kẻ khác để được phú quý thêm. Đó là điều ám muội, tôi không thể nghe theo. Vũ Trần Thiệu nằm im. Thiệu chết rồi ông liền đem tờ mật chiếu đốt đi. Lúc trở về Hồ Sỹ Đống giả vờ như không biết chuyện gì, còn Trịnh Sâm cũng không nói đến tờ mật chiếu ấy nữa.

Năm Tân Sửu 1781, ông được cử làm chánh chủ khảo khoa thi Hội. Năm ấy em ông là Hồ Sỹ Thích cũng đi thi. Trong kỳ thi sơ khảo, phúc khảo, các quan trường nề ông, mặc dầu bài của Hồ Sỹ Thích chưa được hay nhưng vẫn phê “ưu”. Hồ Sỹ Đống biết chuyện ấy bảo: Nhà nước đặt ra khoa cử, cốt chọn nhân tài, không dễ làm riêng cho ai cả. Ông đòi đọc cả hai quyển của em trai, vạch ra những chỗ yếu kém rồi phê “thứ”. Sau đợt ấy ông nói với ông Hồ Sỹ Thích: “*Bài chú các quan giám khảo lấy vào loại Nhất, nhưng anh thấy vẫn chưa chín. Anh làm chánh chủ khảo mà lấy em đậu cao, thiên hạ dị nghị. Chú cần luyện tập thêm. Nếu có thực tài, khoa này không đậu, khoa sau sẽ đậu*”⁽³⁾. Việc làm này khiến các quan

trường vừa sợ, vừa nể phục ông.

Năm 1783, ông giữ chức Tham đốc, quyền phủ sự ngang với Thượng thư, Tham tụng, tước Dao đình hầu. Cùng năm đó, kinh thành Thăng Long xảy ra nạn kiêu binh, ông đã khéo léo dùng mưu trí dẹp yên, cứu được triều đình Lê - Trịnh và kinh đô Thăng Long thoát khỏi cơn khủng hoảng lớn. Tính ông ngay thẳng, không vì việc riêng mà nâng đỡ ai, lại không đề sắc đẹp, tiền tài cám dỗ. Làm quan mà không có của dư, lúc gần chết cũng chỉ bàn việc nước, mà không dấn dõ việc nhà. Điều đó khiến ông có uy tín lớn.

Hồ Sĩ Đống là người có tài văn chương. Tác phẩm của ông theo bài “tựa” do ông viết ra cuối năm Kỷ Hợi (1779), thì trong khi đi sứ làm nhiều thơ ngâm vịnh ở dọc đường, tập hợp hơn 100 bài, được đặt tên là “Hoa trình khiêu hứng”. Năm 1778, có cuộc gặp gỡ giữa sứ thần Hồ Sĩ Đống với sứ thần Lý Quang, Trịnh Vũ Thuận và Doãn Phường của quốc gia Triều Tiên. Hồ Sĩ Đống từng giữ chức quan Tả thị lang bộ hộ, quyền phủ sự, đồng tham tụng, tước kinh dương hầu.

Sáng tác của Hồ Sĩ Đống còn lại hầu hết là thơ đi sứ. Hàng trăm bài thơ, bài tấu khai đều viết bằng chữ Hán. Đề tài thường là đề vịnh di tích, nhân vật lịch sử, đền miếu, danh thắng dọc đường đi. Thơ thiên nhiên của ông miêu tả cảnh đất nước, bút pháp vừa hoành tráng, vừa mỹ lệ, tình điệu thì hùng hồn, phóng khoáng. “Tinh thần tự hào dân tộc, trách nhiệm với vua, với nước, tình cảm cố quốc, gia hương bộc lộ rõ trong tác phẩm... thơ đi sứ của Hồ Sĩ Đống có những nét đẹp tươi, uyển chuyển, có khả năng đổi mới cảm xúc và cách thể hiện độc đáo của người viết”⁽⁴⁾.

Văn thơ của Hồ Sĩ Đống với sứ thần Lý Quang, Trịnh Vũ Thuận và Doãn Phường (Triều Tiên) có trong “Hoàng

Việt thi tuyển” quyển 6. Trong đó, Hồ Sĩ Đống 2 bài, Lý Quang 1 bài, Trịnh Vũ Thuận, Doãn Phường có một số bài. Phải nói rằng: Việt Nam cũng như các nước trong khu vực Đông Bắc Á như Hàn Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản thường giao lưu chịu ảnh hưởng văn hóa Hán của Trung Quốc, và sử dụng chữ Hán. Ở Việt Nam, chữ Hán có mặt rất sớm những năm đầu Công nguyên, đến hết thời kỳ đô hộ của phong kiến phương Bắc (thế kỷ thứ I đến thế kỷ X). Từ thế kỷ thứ X trở về sau, Việt Nam giành được độc lập, nhưng chữ Hán vẫn được thịnh hành và khẳng định vị trí quan trọng của nó trong đời sống chính trị, văn hóa, xã hội. Chữ Hán được sử dụng trong thi cử, đào tạo nhân tài và phát triển văn hóa ở Việt Nam. Trong lịch sử nhân dân các nước Việt Nam, Hàn Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản và Trung Quốc có mối quan hệ văn hóa dễ gần nhau, hiểu nhau.

Thời kỳ Trung đại, Việt Nam chưa có quan hệ ngoại giao với Triều Tiên mà chỉ có những cuộc gặp gỡ giao lưu giữa sứ thần các nước khi đi sứ đến Trung Quốc. Khi ấy tại Bắc Kinh (Trung Quốc), sứ thần hai nước Việt Nam - Triều Tiên ở công quán nhưng những ngày không vào chầu, họ thường trao đổi kết tình thâm giao và trở thành bạn xướng họa, ngâm thơ.

Lần gặp gỡ giữa sứ thần Hồ Sĩ Đống (Việt Nam), với sứ thần Lý Quang, Trịnh Vũ Thuận và Doãn Phường (Triều Tiên), năm 1778, sứ thần Hồ Sĩ Đống có bài thơ tặng sứ thần Triều Tiên nói về sự tương đồng văn hóa giữa hai nước như sau:

Phiên âm:

“*Công đình triều bãi lộ phân thù.
Giao chỉ đồng doanh ức sứ hồ
Chí khí khả năng truy cáo đài
Thiên chương hệ quản phó tương âu
Phu văn duy viết xa đồng quỹ
Binh lễ từng lai quốc hữu nho
Vạn lý tương phùng tri phi dị
Lục niên vương hội nhất thành đồ”.*

Dịch nghĩa:

“*Công đình việc triều hội đã tan, trên đường chia tay.*

Xa xa chỉ hướng biển Đông mà thấy lòng nhớ việc sứ

Chí khí cao vời có thể học theo chuyện tặng lụa cáo, tặng đại trữ

Thiên thơ đề tặng, có quản gì, chỉ dám để che hũ

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

tương mà thôi

*Phô diễn văn chương, vì rằng có xe đồng trục vậy
Giữ lễ từ xưa vẫn nhận là nước có Nho học.*

*Muôn dặm đến mà gặp được nhau đâu phải là dễ
Cảnh châu vương hội, sáu năm mời một lần, vẫn y
như một bức vẽ”⁽⁵⁾.*

Và sứ thần Trịnh Vũ Thuận tặng sứ thần Hồ Sĩ Đống bài thơ nói về tình thân giao, sự hiểu biết lẫn nhau ngày càng sâu nặng giữa sứ thần hai nước trong mối quan hệ tương đồng văn hóa:

Phiên âm:

*“Mạch mạch dao khan ý ám thông
Triều sai tịnh xuất Thái Hòa cung
Cô tra minh bột yêu hoang ngoại
Thiên nhượng đông nam thiên địa trung
Ngôn ngữ do lai tuy hữu biệt
Y quan hoàn hỹ giữ tương đồng
Bách niên tự thử âm dung cách
Tổ vãng na kham mỗi hưởng phong”*

Dịch nghĩa:

*“Tình cảm thâm sâu xa trông đã ngầm thông ý tứ
Vàng triều sai cùng đến điện Thái Hòa
Người thì từ biển xa theo thuyền đến, người thì từ
vùng xa hoang ngoại*

*Trong trời đất, các vùng ấy cách xa hẳn về hai phía
Đông và Nam*

Ngôn ngữ tiếng nói từ trước tuy có khác biệt

*Nhưng mũ áo y quan còn mừng là
giống nhau*

*Âm dung tin tức cách biệt đến trăm
năm (nay mới biết)*

*Suy nhớ chuyện cũ, đều thấy lòng nhớ
nhung ngong ngóng theo gió”⁽⁶⁾.*

Thơ văn xướng họa giữa sứ thần Việt Nam và Triều Tiên thời Trung đại là những tài liệu có giá trị, góp phần nghiên cứu lịch sử bang giao giữa hai quốc gia.

Ngày 18/10/1785, Hồ Sĩ Đống qua đời tại Thăng Long. Thi hài ông được đưa về chôn cất tại quê nhà trong sự trọng vọng của quan chức địa phương và toàn thể nhân dân./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Đào Tam Tinh, *Khoa bảng Nghệ An*, Nxb Nghệ An, 2005, tr.198.

⁽²⁾ Phạm Đình Hồ, *Vũ Trung tùy bút*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội, 1960, tr.15.

⁽³⁾ *Kho tàng truyện kể dân gian xứ Nghệ* (tập 4), Nxb Nghệ An, năm 1995, tr.115.

⁽⁴⁾ Ninh Viết Giao, *Địa chỉ văn hóa Quỳnh Lưu*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội, 2008, tr.465.

^{(5), (6)} *Tiếp cận di sản Hán Nôm* (Trịnh Khắc Mạnh), Nxb Khoa học xã Hội Hà Nội, năm 2014, tr.229, 231.



Nhà thờ họ Hồ ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An